

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, giám sát công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 3456/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024; Văn bản số 1284/UBND-KGVX ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp năm 2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp, công tác đào tạo nghề thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh; trong đó, trọng tâm là công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

- Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm đánh giá những kết quả đạt được, phát hiện những hạn chế, khó khăn, vướng mắc để tháo gỡ, khắc phục; tìm ra những giải pháp cụ thể phù hợp với thực tế của địa phương góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp, công tác đào tạo nghề thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm tra, giám sát phải đảm bảo tính công khai, khách quan, chính xác, phản ánh trung thực, đầy đủ kết quả đạt được.

- Các đơn vị được kiểm tra, giám sát chuẩn bị tốt các nội dung làm việc với Đoàn kiểm tra, giám sát; báo cáo đầy đủ, chính xác những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung về triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp, công tác đào tạo nghề thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh; trong đó, trọng tâm là công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

II. Nội dung kiểm tra, giám sát

1. Việc triển khai các nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm năm 2024.

2. Việc triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động thuộc các tiểu dự án trong các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giai đoạn 2021 - 2025: Tiểu dự án 3 Dự án 5 thuộc CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững.

(Có Đề cương báo cáo kèm theo)

III. Thành phần

1. Thành phần đoàn kiểm tra:

- Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Lịch - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn.

- Đồng chí Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó trưởng đoàn.

- Đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Dân tộc; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Lãnh đạo và phòng chuyên môn thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Thành phần làm việc của địa phương:

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện và đại diện các phòng, ban liên quan của huyện;

- Mời đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội của xã;

- Mời đại diện lãnh đạo Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN - GDTX) tham gia đào tạo nghề trên địa bàn.

III. Thời gian, địa điểm và phương pháp kiểm tra, giám sát

1. Thời gian và địa điểm:

- Ngày 14/8/2024: Huyện Chư Puh.

- Ngày 16/8/2024: Huyện Đak Pơ.

- Ngày 20/8/2024: Huyện Mang Yang.

- Ngày 22/8/2024: Huyện Chư Păh.

- Ngày 23/8/2024: Huyện Chư Prông.

- Ngày 27/8/2024: Huyện Kbang.

Trong quá trình triển khai sẽ tiến hành kiểm tra đột xuất một số địa phương nếu cần hoặc khi phát sinh vướng mắc.

2. Phương pháp kiểm tra, giám sát

- Đi kiểm tra, giám sát thực tế tại một số xã và cơ sở đào tạo (Trung tâm GDNN - GDTX) trên địa bàn các huyện được kiểm tra trực tiếp.

- Kiểm tra qua báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố không kiểm tra trực tiếp.

- Đoàn kiểm tra, giám sát làm việc với đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện và đại diện các phòng, ban liên quan của huyện; mời đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội của xã, cơ sở đào tạo (các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm GDNN - GDTX) tham gia đào tạo nghề trên địa bàn tại Ủy ban nhân dân huyện.

- Thông báo kết luận buổi làm việc.

IV. Kinh phí thực hiện

Kinh phí kiểm tra, giám sát từ nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

V. Tổ chức thực hiện

1. Thành viên Đoàn kiểm tra, giám sát có trách nhiệm thực hiện theo kế hoạch.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Phối hợp với địa phương được kiểm tra, giám sát tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Kết thúc đợt kiểm tra, giám sát tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

3.1. Đối với các huyện được kiểm tra trực tiếp:

- Chuẩn bị báo cáo đầy đủ các nội dung theo đề cương và gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước thời gian kiểm tra 05 ngày để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, nội dung có liên quan theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra, giám sát.

- Bố trí phòng họp, địa điểm, thành phần có liên quan làm việc trực tiếp với Đoàn kiểm tra, giám sát.

- Bố trí công chức tham gia cùng xuống cơ sở kiểm tra thực tế và thông báo các địa phương được chọn kiểm tra chuẩn bị nội dung để làm việc với Đoàn kiểm tra, giám sát.

3.1. Đối với các huyện, thị xã, thành phố không kiểm tra trực tiếp: Xây dựng Báo cáo đầy đủ các nội dung theo đề cương và gửi về Sở Lao động -

Thương binh và Xã hội trước ngày 10/8/2024 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024; yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc liên hệ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để xử lý theo thẩm quyền; nếu vượt thẩm quyền báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban chỉ đạo các CTMTQG tỉnh;
- Các sở, ngành: LĐ-TB&XH; Tài chính; NN&PTNT; Ban Dân tộc;
- Ban VHXXH – HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc – HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Lịch

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Việc triển khai thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp năm 2024
trên địa bàn tỉnh

(Từ ngày 01/01/2023 - đến thời điểm kiểm tra)
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày ... /7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Nêu khái quát đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và những điều kiện ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, công tác đào tạo nghề thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

2. Đánh giá chung về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn; dự báo trong thời gian tới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp, công tác đào tạo nghề thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia

- Việc ban hành các văn bản theo thẩm quyền để lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

- Công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp cho người lao động chọn nghề và tham gia học nghề; hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm, đi làm việc ở nước ngoài tại địa phương.

- Việc triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động thuộc các tiểu dự án trong các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giai đoạn 2021-2025: Tiểu dự án 3 Dự án 5 thuộc CTMTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm

a) Về công tác đào tạo nghề:

- Xây dựng, ban hành các kế hoạch, chương trình về phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, phát triển kỹ năng nghề.

- Việc triển khai công tác đào tạo nghề theo các chương trình, đề án của Trung ương và của tỉnh.

- Việc liên doanh, liên kết triển khai đào tạo nghề.

- Các hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động khác.

- Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo nghề (*Cơ sở vật chất, nhân lực, số lượng lao động được đào tạo... tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề*).

b) Về giải quyết việc làm:

- Tình hình thực hiện các chính sách của Nhà nước, của tỉnh về hỗ trợ tạo việc làm như: Chính sách hỗ trợ vay vốn tạo việc làm, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp đào tạo và đào tạo lại cho người lao động.

- Công tác phối hợp với các địa phương, đơn vị trong theo dõi thống kê, thông tin về tình hình giải quyết việc làm và thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp.

- Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2.2. Công tác đào tạo nghề cho lao động thuộc các tiểu dự án trong các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giai đoạn 2021 - 2025: Tiểu dự án 3 Dự án 5 thuộc CTMTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững

- Phân bổ vốn và sử dụng các nguồn vốn thực hiện phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, năm 2023 và 2024 cho công tác đào tạo nghề.

- Công tác tuyên truyền, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông hướng nghiệp chuyển đổi nghề cho lao động trên địa bàn.

- Việc thực hiện chế độ chính sách cho người học theo quy định của pháp luật.

- Nguồn lực để thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động (*giáo viên, cơ sở vật chất, địa điểm đào tạo, vật tư, thiết bị đào tạo, thực hành nghề...*).

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động từ các nguồn vốn địa phương, các chương trình khác (nếu có).

- Kết quả đào tạo:

+ Số nghề được đào tạo: Tổng số, trong đó: nghề nông nghiệp (%), nghề phi nông nghiệp (%);

+ Số lao động được học nghề: Tổng số, trong đó: nghề nông nghiệp (%), nghề phi nông nghiệp (%);

+ Tổng kinh phí đào tạo: Tổng số, trong đó: nghề nông nghiệp (%), nghề phi nông nghiệp (%);

+ Tình trạng việc làm sau đào tạo: Tổng số lao động có việc làm sau đào tạo, trong đó: nghề nông nghiệp (%), nghề phi nông nghiệp (%).

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

Việc thanh tra, kiểm tra các cấp về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm (*số cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát; việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, giám sát*).

4. Công tác phối hợp của các cơ quan có liên quan trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm

- Nội dung, hình thức, phương pháp tham gia của Ủy ban MTTQVN các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan, tổ chức khác trong tuyên truyền, vận động người lao động, đoàn viên, hội viên tham gia công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

- Đánh giá chất lượng, hiệu quả (*ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được
2. Tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương
2. Đối với UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan./.